

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 54/2020/HNGĐ-ST

Ngày 27 - 8 - 2020

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH - TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quý.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Xuân Trường.

2. Ông Nguyễn Đức Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Trường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh B tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hải Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý: 135/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2020, về ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 48/2020/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Hà V, sinh năm 1982.

Nơi cư trú: Số nhà 102, đường số 3, tổ 5, thôn 5, xã Đức T, huyện Đ, tỉnh B.

2. *Bị đơn:* Anh Bùi Văn T, sinh năm 1979.

Nơi cư trú: Số nhà 102, đường số 3, tổ 5, thôn 5, xã Đức T, huyện Đ, tỉnh B.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn; vắng mặt bị đơn không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Hà V trình bày:

Chị và anh Bùi Văn T tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân. Anh chị có đăng ký kết hôn số 68, ngày 24/8/2004 tại UBND xã Đức T. Quá trình chung sống giữa anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh T thường xuyên nhậu nhẹt, gây gổ đánh đập chị nhiều lần. Trong thời gian gần đây anh T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Nay, chị xác định không còn tình cảm với anh T, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung là Bùi Văn Thọ, sinh ngày 04/4/2001; Bùi Văn Thuận, sinh ngày 16/5/2006 và Bùi Văn Tài, sinh ngày 17/8/2015. Nay cháu Thọ đã trên 18 tuổi, còn cháu Thuận và cháu Tài thì chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng và chị yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.000.000 đồng/tháng, Th cho cả 02 con là 2.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng từ tháng 09/2020 cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Tại đơn khởi kiện, chị Trần Thị Hà V có yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp chia tài sản chung. Nhưng nay chị đã xin rút yêu cầu khởi kiện tranh chấp chia tài sản chung.

Đối với bị đơn anh Bùi Văn T:

Sau khi thụ lý vụ án, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp nhưng bị đơn Bùi Văn T không có ý kiến gì, cũng không có yêu cầu phản tố và vắng mặt không có lý do.

Tòa án đã thực hiện việc xác minh về tình trạng hôn nhân của chị Trần Thị Hà V ly hôn với anh Bùi Văn T, thể hiện tại biên bản xác minh ngày 19/6/2020 của ông Bùi Văn Ba là cha ruột của anh Bùi Văn T, ông Ba đã cung cấp một số thông tin như sau:

Ông Bùi Văn Ba là cha ruột của anh Bùi Văn T, hiện ông Ba đang sinh sống cùng với gia đình anh T, chị V tại: Số nhà 102, đường số 3, tổ 5, thôn 5, xã Đức T, huyện Đ, tỉnh B. Chị V, anh T tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, gia đình có tổ chức đám cưới theo phong tục của địa phương. Quá trình chung sống chị V, anh T có 03 người con chung. Bản thân chị V làm nghề buôn bán tại chợ Đức T, còn anh T không có nghề nghiệp gì, không lo làm ăn mà thường xuyên chơi cờ bạc, quan hệ bất chính với người phụ nữ khác; gia đình đã nhiều lần khuyên bảo động viên nhưng anh T vẫn không thay đổi.

Vợ chồng anh T, chị V không có hạnh phúc, do thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau. Là cha tôi thấy nếu anh T không thay đổi, không tu chí làm ăn thì cuộc sống vợ chồng của anh chị không thể kéo dài và không có hạnh phúc.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự tự thỏa thuận với nhau về các vấn đề có tranh chấp trong vụ án, nhưng bị đơn anh Bùi Văn T không tham gia nên không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của các đương sự và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về thủ tục: Thẩm phán thụ lý vụ án và Hội đồng xét xử, Thư ký ghi biên bản phiên tòa đã thực hiện các hoạt động tố tụng để giải quyết vụ án đúng theo trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự đối với nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, còn bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Giải quyết cho chị Trần Thị Hà V ly hôn với anh Bùi Văn T.

Về con chung, hiện các cháu còn nhỏ và đang sinh sống với chị V nên yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng các con của chị V là hợp lý cần xem xét giao các con cho chị V được trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu chị V là phù hợp, buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.000.000 đồng/tháng, Th cho cả 02 con là 2.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng từ tháng 09/2020 cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Tòa án nhân dân huyện Đ đã thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là ly hôn, tranh chấp nuôi con.

[1.3] Về xét xử vắng mặt: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt tại phiên tòa đối với bị đơn là phù hợp.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Trần Thị Hà V và anh Bùi Văn T tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân. Anh chị có đăng ký kết hôn số 68, ngày 24/8/2004 tại UBND xã Đức T. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, quá trình chung sống giữa anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh T thường xuyên nhậu nhẹt, gây gổ đánh đập chị nhiều lần. Trong thời gian gần đây anh T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Nay, chị xác định không còn tình cảm với anh T, yêu cầu được ly hôn với anh T. Thấy rằng, mâu thuẫn vợ chồng của anh chị đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên nghĩ cần xử cho chị V ly hôn anh T là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Anh chị có 03 con chung là Bùi Văn Thọ, sinh ngày 04/4/2001; Bùi Văn Thuận, sinh ngày 16/5/2006 và Bùi Văn Tài, sinh ngày 17/8/2015. Nay cháu Thọ đã trên 18 tuổi, còn cháu Thuận và cháu Tài thì chị V yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy ý kiến của cháu Thuận là muốn ở với chị V, do đó xem xét giao cháu Thuận và cháu Tài cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Theo Khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”. Nay chị yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.000.000 đồng/tháng, Th cho cả 02 con là 2.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng từ tháng 09/2020 cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Xét thấy, yêu cầu cấp dưỡng của chị V là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận và buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con Thuận và Tài là 2.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng từ tháng 09/2020 cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

[2.4] Về tài sản chung: Chị Trần Thị Hà V đã rút yêu cầu tranh chấp chia tài sản chung. Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ phần tranh chấp chia tài sản chung là phù hợp.

[3] Về áp dụng án lệ: Sau khi rà soát các án lệ đã được Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao công bố thấy rằng: Nội dung tranh chấp của vụ án không có những tình tiết, sự kiện tương tự đã được nêu trong các án lệ nên không áp dụng án lệ để giải quyết tranh chấp này, mà căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết.

[4] Về án phí: Chị V là người yêu cầu ly hôn nên chị phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, hoàn trả cho chị V tiền tạm ứng án phí về tranh chấp chia tài sản khi ly hôn. Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị Hà V ly hôn anh Bùi Văn T.

2. Về con chung: Chị Trần Thị Hà V được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 (hai) con Bùi Văn Thuận, sinh ngày 16/5/2006 và Bùi Văn Tài, sinh ngày 17/8/2015.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Bùi Văn T phải cấp dưỡng nuôi 02 con Bùi Văn Thuận và Bùi Văn Tài cho chị Trần Thị Hà V số tiền 2.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng từ tháng 09/2020 cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Đối với khoản tiền cấp dưỡng, chị Trần Thị Hà V có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án ngay. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về chia tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu giải quyết về chia tài sản khi ly hôn của nguyên đơn chị Trần Thị Hà V.

5. Về án phí DSST:

- Chị Trần Thị Hà V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được Th trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 4.300.000 đồng (Bốn triệu ba trăm nghìn đồng) do chị V đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh B theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003560 ngày 24 tháng 4 năm 2020. Hoàn trả cho chị V số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp.

- Anh Bùi Văn T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng; nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh B.

6. Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày tuyên án (27/8/2020). Báo cho bị đơn vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

7. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THA huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã Đức T;
- TAND tỉnh;
- Lưu HSVA, QĐ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Quý